

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN
MIRAE ASSET (VIỆT NAM)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 510/2019/CV-MASHCM
V/v công bố thông tin điện tử Báo cáo tài
chính bán niên năm 2019 và giải trình lợi
nhuận sau thuế

TP. HCM, ngày 14 tháng 08 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Mã chứng khoán:

Địa chỉ trụ sở chính: 3C Tôn Đức Thắng, P.Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3910 2222 Fax: 028 3910 7222

Người thực hiện công bố thông tin: Kang Moon Kyung – Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: 3C Tôn Đức Thắng, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại (cơ quan): 028 3910 2222 Fax: 028 3910 7222

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính Bán niên năm 2019 và giải trình lợi nhuận sau thuế

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào 14:00 PM ngày 14/8/2019 tại đường dẫn như sau:

<https://masvn.com/home/investorRelations/financial.do>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.



Tài liệu đính kèm:

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán
Mirae Asset (Việt Nam)



Kang Moon Kyung





**Công ty TNHH Chứng khoán
Mirae Asset (Việt Nam)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập
và Hoạt động số**

73/UBCK-GP	ngày 18 tháng 12 năm 2007
109/QĐ-UBCK	ngày 27 tháng 2 năm 2009
218/QĐ-UBCK	ngày 8 tháng 4 năm 2009
411/QĐ-UBCK	ngày 10 tháng 7 năm 2009
65/QĐ-UBCK	ngày 28 tháng 1 năm 2010
23/GPĐC-UBCK	ngày 6 tháng 4 năm 2011
35/GPĐC-UBCK	ngày 12 tháng 8 năm 2013
17/GPĐC-UBCK	ngày 15 tháng 4 năm 2015
421/GPĐC-UBCK	ngày 20 tháng 5 năm 2015
121/GP-UBCK	ngày 8 tháng 1 năm 2016
09/GPĐC-UBCK	ngày 21 tháng 4 năm 2016
12/GPĐC-UBCK	ngày 24 tháng 5 năm 2016
05/GPĐC-UBCK	ngày 8 tháng 2 năm 2017
444/QĐ-UBCK	ngày 8 tháng 5 năm 2017
24/GPĐC-UBCK	ngày 15 tháng 6 năm 2017
25/GPĐC-UBCK	ngày 20 tháng 10 năm 2017
43/QĐ-UBCK	ngày 11 tháng 1 năm 2018
75/GPĐC-UBCK	ngày 10 tháng 9 năm 2018
941/GPĐC-UBCK	ngày 31 tháng 10 năm 2018
1080/GPĐC-UBCK	ngày 3 tháng 12 năm 2018
1081/GPĐC-UBCK	ngày 3 tháng 12 năm 2018

Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hội đồng Thành viên

Ông Seol Kyung Suk	Chủ tịch
Ông Kang Moon Kyung	Thành viên
Ông Han Won Dong	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Youman Kim	Trưởng ban
Bà Dương Tuyết Mai	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Kang Moon Kyung	Tổng Giám đốc
---------------------	---------------

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính

Tầng 7, Tòa nhà Le Meridien
3C Tôn Đức Thắng
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà HCO
44B Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội
Việt Nam

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Chi nhánh Thăng Long Tòa nhà Gelex
52 Lê Đại Hành
Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng
Hà Nội
Việt Nam

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh Tầng 7, Tòa nhà Saigon Royal
91 Pasteur
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Sài Gòn Tầng 16, Tòa nhà Green Power
35 Tôn Đức Thắng
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Vũng Tàu Tầng 7, 102A Lê Hồng Phong
Phường 4, Thành phố Vũng Tàu
Việt Nam

Chi nhánh Đà Nẵng Tòa nhà Vĩnh Trung Plaza
225-227 Hùng Vương
Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê
Thành phố Đà Nẵng
Việt Nam

Chi nhánh Cần Thơ Tầng 15, Tòa nhà VCCI Cần Thơ
12 Hòa Bình
Phường An Cư, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 60 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Ông Lee Dong Won
Giám đốc Khối Công nghệ thông tin
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi Nhà đầu tư Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 6 đến trang 60.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh



Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 19-01-00311/1*2-19-1


Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Phạm Huy Cường

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2019-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2019

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B01a – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)		6.739.407.527.891	6.106.963.281.762
I	Tài sản tài chính (“TSTC”)		6.722.800.572.268	6.101.063.201.071
1	Tiền và các khoản tương đương tiền		254.559.756.386	80.432.110.541
1.1	<i>Tiền</i>		<i>959.756.386</i>	<i>432.110.541</i>
1.2	<i>Các khoản tương đương tiền</i>		<i>253.600.000.000</i>	<i>80.000.000.000</i>
2	Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)		694.186.607	70.657.838.048
3	Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		1.107.500.000.000	2.222.500.000.000
4	Các khoản cho vay		5.006.182.132.275	3.582.895.595.544
5	TSTC sẵn sàng để bán (“AFS”)		270.042.023.500	70.062.904.000
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính		(5.858.102.914)	(5.858.102.914)
7	Các khoản phải thu		84.891.547.630	73.696.561.241
7.1	<i>Phải thu từ bán tài sản tài chính</i>		<i>-</i>	<i>3.096.972.000</i>
7.2	<i>Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ TSTC</i>		<i>84.891.547.630</i>	<i>70.599.589.241</i>
8	Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.725.119.169	4.489.607.983
9	Phải thu các dịch vụ cung cấp		1.913.418.090	1.276.211.410
10	Các khoản phải thu khác		1.150.491.525	910.475.218
II	Tài sản ngắn hạn khác		16.606.955.623	5.900.080.691
1	Tạm ứng		422.305.843	39.646.681
2	Chi phí trả trước ngắn hạn		16.182.449.780	5.858.234.010
3	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		2.200.000	2.200.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B01a – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250)	200		846.628.024.553	640.495.543.389
I Tài sản tài chính dài hạn	210		790.572.618.000	590.572.618.000
1 Các khoản đầu tư	212		790.572.618.000	590.572.618.000
1.1 Đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	212.1	7(b)	790.000.000.000	590.000.000.000
1.2 Đầu tư dài hạn khác	212.4	7(e)	572.618.000	572.618.000
II Tài sản cố định	220		12.669.463.551	8.907.443.416
1 Tài sản cố định hữu hình	221	11	7.276.791.687	7.956.657.713
Nguyên giá	222		18.930.959.667	19.410.916.997
Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(11.654.167.980)	(11.454.259.284)
2 Tài sản cố định vô hình	227	12	5.392.671.864	950.785.703
Nguyên giá	228		14.386.522.561	9.296.422.561
Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(8.993.850.697)	(8.345.636.858)
III Xây dựng cơ bản dở dang	240	13	-	4.790.100.000
IV Tài sản dài hạn khác	250		43.385.943.002	36.225.381.973
1 Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		5.592.342.321	5.014.731.921
2 Chi phí trả trước dài hạn	252	10(b)	18.885.984.576	16.018.472.393
3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253	19	1.205.477.925	-
4 Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	254	14(a)	7.690.764.818	5.190.764.818
5 Tài sản dài hạn khác	255	14(b)	10.011.373.362	10.001.412.841
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7.586.035.552.444	6.747.458.825.151

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B01a – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
C	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300	2.799.372.139.291	2.141.904.825.567
I	Nợ phải trả ngắn hạn	310	2.799.336.763.049	2.080.594.130.005
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	1.962.000.000.000	1.798.360.000.000
1.1	<i>Vay ngắn hạn</i>	312	15	1.962.000.000.000
2	Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316	16	767.000.000.000
3	Phải trả người bán	320		650.085.000
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	17(a)	27.107.146.401
5	Chi phí phải trả	325	18	41.400.659.313
6	Doanh thu chưa thực hiện	327		344.818.182
7	Các khoản phải trả khác	329		834.054.153
				389.410.752
II	Nợ phải trả dài hạn	340	35.376.242	61.310.695.562
1	Trái phiếu phát hành dài hạn	346	16	-
2	Dự phòng phải trả dài hạn	354		35.376.242
3	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	19	-
				11.275.319.320
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	4.786.663.413.153	4.605.553.999.584
I	Vốn chủ sở hữu	410	4.786.663.413.153	4.605.553.999.584
1	Vốn góp	411		4.300.000.000.000
1.1	<i>Vốn góp</i>	411.1	20	4.300.000.000.000
2	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	412		5.310.347.186
3	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		15.246.209.674
4	Quỹ dự phòng tài chính	415		15.246.209.674
5	Lợi nhuận chưa phân phối	417		450.860.646.619
5.1	<i>Lợi nhuận đã thực hiện</i>	417.1		450.973.676.589
5.2	<i>(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện</i>	417.2		(113.029.970)
				8.263.326.174
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440	7.586.035.552.444	6.747.458.825.151

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B01a – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Mã số	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND	
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY				
1				
1	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (“VSD”) của Công ty	008	29.870.000	27.432.840.000
2	TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Công ty	009	1.660.000	1.660.000
3	TSTC chưa lưu ký tại VSD	012	420.533.130.000	20.116.080.000
4	TSTC được hưởng quyền của Công ty	013	272.490.000	10.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1				
1	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư/khách hàng	021	8.245.860.098.810	6.775.059.700.000
	<i>a. TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>021.1</i>	<i>7.919.918.370.000</i>	<i>6.389.585.500.000</i>
	<i>b. TSTC hạn chế chuyển nhượng</i>	<i>021.2</i>	<i>2.217.540.000</i>	<i>2.502.170.000</i>
	<i>c. TSTC giao dịch cầm cố</i>	<i>021.3</i>	<i>323.712.930.000</i>	<i>241.712.930.000</i>
	<i>d. TSTC chờ thanh toán</i>	<i>021.5</i>	<i>11.258.810</i>	<i>141.259.100.000</i>
2	TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư/khách hàng	022	32.505.400.000	7.999.230.000
	<i>a. TSTC đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	<i>022.1</i>	<i>32.505.400.000</i>	<i>7.999.230.000</i>
3	TSTC được hưởng quyền của nhà đầu tư/khách hàng	025	22.836.250.000	5.985.910.000

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B01a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)


	Mã số	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
5 Tiền gửi của khách hàng	026	374.524.149.478	402.158.106.996
5.1 Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	027	187.932.079.478	117.646.824.396
5.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028	186.592.070.000	284.511.282.600
6 Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031	374.524.149.479	402.158.106.996
6.1 Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.1	292.791.436.868	345.765.104.890
6.2 Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.2	81.732.712.611	56.393.002.106

Ngày 14 tháng 8 năm 2019

Người lập:


Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán trưởng

Người soát xét:


Bà Trần Thị Thanh Thủy
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Ông Lee Dong Won
Giám đốc khối Công nghệ thông tin

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Báo cáo kết quả hoạt động cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B02a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

				Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
I DOANH THU HOẠT ĐỘNG					
1.1	Lãi từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	01		19.649.294.939	61.168.440.256
	<i>a. Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	01.1	21(a)	17.043.657.760	59.295.174.562
	<i>b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	01.2	21(b)	880.045.729	1.519.912.814
	<i>c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	01.3	21(c)	1.725.591.450	353.352.880
1.2	Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	02	21(c)	92.467.303.984	44.402.521.511
1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	21(c)	222.647.975.295	83.562.768.502
1.4	Doanh thu môi giới chứng khoán	06	21(d)	54.337.768.844	79.965.370.940
1.5	Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán	08	21(d)	3.074.363.974	232.675.259
1.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán	09	21(d)	2.057.886.718	1.011.959.450
1.7	Thu nhập hoạt động khác	11	21(d)	764.891.242	876.238.558
Cộng doanh thu hoạt động		20		394.999.484.996	271.219.974.476
II CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG					
2.1	Lỗ từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	21		15.365.409.613	53.742.886.725
	<i>a. Lỗ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	21.1	21(a)	6.109.007.740	5.741.542.250
	<i>b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	21.2	21(b)	9.256.401.873	48.001.344.475
2.2	Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu và chi phí đi vay	24	22	73.015.458.505	22.254.778.418
2.3	Chi phí môi giới chứng khoán	27	23	74.117.989.848	63.809.626.541
2.4	Chi phí dịch vụ tư vấn đầu tư	29		-	9.754.000
2.5	Chi phí lưu ký chứng khoán	30		1.680.771.814	1.322.972.362
Cộng chi phí hoạt động		40		164.179.629.780	141.140.018.046
III DOANH THU TÀI CHÍNH					
3.1	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		1.432.400.000	22.284
3.2	Lãi tiền gửi không kỳ hạn	42		6.389.146	4.508.220
Cộng doanh thu hoạt động tài chính		50		1.438.789.146	4.530.504

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo kết quả hoạt động cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B02a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
IV CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		2.760.000.000	2.230.000.000
Cộng chi phí tài chính	60	24	2.760.000.000	2.230.000.000
V CHI PHÍ QUẢN LÝ	62	25	20.186.861.398	14.288.817.336
VI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 - 40 + 50 - 60 - 62)	70		209.311.782.964	113.565.669.598
VII THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
7.1 Thu nhập khác	71		114.554.345	522.731.584
7.2 Chi phí khác	72		38.702.635	3.602.654
Kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		75.851.710	519.128.930
VIII TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		209.387.634.674	114.084.798.528
8.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		217.763.990.818	160.566.230.189
8.2 Lỗ chưa thực hiện	92		(8.376.356.144)	(46.481.431.661)
IX CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		28.257.340.606	17.313.693.945
9.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	26	40.738.137.851	17.313.693.945
9.2 Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	100.2	26	(12.480.797.245)	-
X LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100) (mang sang trang sau)	200		181.130.294.068	96.771.104.583

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo kết quả hoạt động cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B02a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

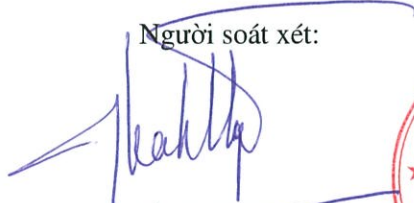
	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
X LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100) (mang từ trang trước sang)	200		181.130.294.068	96.771.104.583
XI THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC	300		(20.880.499)	-
11.1 Lỗ từ đánh giá lại các khoản đầu tư sẵn sàng để bán	301	21(b)	(20.880.499)	-
XII TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN (400 = 200+300)	400		181.109.413.569	96.771.104.583

Ngày 14 tháng 8 năm 2019

Người lập:


 Bà Cao Thị Bảo Lê
 Kế toán trưởng

Người soát xét:


 Bà Trần Thị Thanh Thủy
 Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



 Ông Lee Dong Won
 Giám đốc Khối Công nghệ thông tin

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03b – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 Lợi nhuận trước thuế TNDN	01	209.387.634.674	114.084.798.528
2 Điều chỉnh cho các khoản	02	54.845.420.726	(235.288.487)
Khấu hao và phân bổ	03	1.742.922.535	1.060.731.797
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05	367.600.000	1.425.000.000
Chi phí lãi	06	66.661.504.380	19.808.624.157
Lãi từ hoạt động đầu tư	07	(10.000.000)	-
Dự thu tiền lãi	08	(13.916.606.189)	(22.529.644.441)
3 Chi phí phi tiền tệ	10	9.256.401.873	48.001.344.475
Lỗi từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	11	9.256.401.873	48.001.344.475
4 Doanh thu phi tiền tệ	18	(880.045.729)	(1.519.912.814)
Lãi từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	19	(880.045.729)	(1.519.912.814)
5 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động (30 = 01 + 02 + 10 + 18)	30	272.609.411.544	160.330.941.702
Giảm các TSTC ghi nhận theo FVTPL	31	61.587.295.297	43.438.368.870
Giảm các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	32	915.000.000.000	61.000.000.000
Tăng các khoản cho vay	33	(1.423.286.536.731)	(762.951.652.363)
Tăng tài sản tài chính sẵn sàng để bán	34	(199.979.119.500)	(54.214.700.000)
Giảm phải thu từ bán tài sản tài chính	35	3.096.972.000	-
Giảm/(tăng) cổ tức và tiền lãi	36	(375.352.200)	39.794.737.252
Tăng các khoản phải thu các dịch vụ cung cấp	37	(637.206.680)	(1.597.944.999)
Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác	39	2.524.472.507	(2.211.584.350)
Tăng các tài sản khác	40	(3.491.110.582)	(2.632.960.701)
Giảm chi phí phải trả	41	(6.753.962.295)	(3.956.132.634)
Tăng chi phí trả trước	42	(13.191.727.953)	(8.435.002.573)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	43	(39.220.929.791)	-
Tiền lãi đã trả	44	(55.647.516.305)	(12.483.792.771)
Giảm phải trả cho người bán	45	(1.129.095.000)	(438.120.499)
Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47	2.988.941.711	(17.389.559.972)
Tăng phải trả người lao động	48	643.877.404	-
Giảm phải trả khác	51	(178.324.911)	(1.902.904.315)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(485.439.911.485)	(563.650.307.353)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B03b – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định (“TSCĐ”)	61	(714.842.670)	(1.853.880.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	62	10.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(704.842.670)	(1.853.880.000)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ góp vốn	71	-	200.000.000.000
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	73	8.912.802.005.000	5.585.410.100.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(8.252.529.605.000)	(4.758.575.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	660.272.400.000	1.026.835.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (90 = 60 + 70 + 80)	90	174.127.645.845	461.330.812.647
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	80.432.110.541	40.266.170.795
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (103 = 90 + 101) (Thuyết minh 5)	103	254.559.756.386	501.596.983.442
▪ Tiền	103.1	959.756.386	596.983.442
▪ Các khoản tương đương tiền	103.2	253.600.000.000	501.000.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)


Mẫu B03b – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	13.425.302.520.303	18.441.662.000.773
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(13.757.404.049.620)	(20.205.997.813.750)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	304.467.571.800	5.103.110.562.439
Chi trả thanh toán giao dịch của khách hàng	08	-	(3.035.769.589.385)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	20	(27.633.957.517)	303.005.160.077
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30	402.158.106.996	257.686.229.391
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	374.524.149.479	560.691.389.468
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	41	374.524.149.479	560.691.389.468
▪ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	42	187.932.079.479	214.916.271.068
▪ Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	186.592.070.000	345.775.118.400

Ngày 14 tháng 8 năm 2019

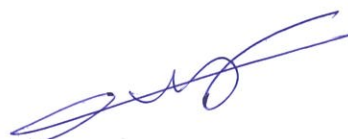
Người lập:


 Bà Cao Thị Bảo Lê
 Kế toán trưởng

Người soát xét:


 Bà Trần Thị Thanh Thủy
 Giám đốc Tài chính

Người duyệt:


 Ông Lee Dong Won
 Giám đốc khối Công nghệ thông tin

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B04a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Số dư đầu kỳ tại ngày		Biến động trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Số dư cuối kỳ tại ngày	
	1/1/2018	1/1/2019	30/6/2018	30/6/2019	30/6/2018	30/6/2019
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vốn góp	2.000.000.000.000	4.300.000.000.000	-	-	2.000.000.000.000	4.300.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5.275.711.292	15.246.209.674	-	-	5.275.711.292	15.246.209.674
Quỹ dự phòng tài chính	5.275.711.292	15.246.209.674	-	-	5.275.711.292	15.246.209.674
Lợi nhuận chưa phân phối	90.261.381.663	269.730.352.551	96.771.104.583	181.130.294.068	187.032.486.246	450.860.646.619
Lợi nhuận đã thực hiện	38.796.817.976	261.467.026.377	143.252.536.244	189.506.650.212	182.049.354.220	450.973.676.589
(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	51.464.563.687	8.263.326.174	(46.481.431.661)	(8.376.356.144)	4.983.132.026	(113.029.970)
Tổng cộng	2.100.812.804.247	4.600.222.771.899	96.771.104.583	181.130.294.068	2.197.583.908.830	4.781.353.065.967
Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý						
Lãi từ đánh giá lại đầu tư sẵn sàng để bán	5.331.227.685	5.331.227.685	-	(20.880.499)	5.331.227.685	5.310.347.186
Tổng vốn chủ sở hữu	2.106.144.031.932	4.605.553.999.584	96.771.104.583	181.109.413.569	2.202.915.136.515	4.786.663.413.153

Ngày 14 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Bà Trần Thị Thanh Thủy
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:

Ông Lee Dong Won
Giám đốc Khối Công nghệ thông tin

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Cơ sở thành lập

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 73/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 12 năm 2007. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được sửa đổi nhiều lần, lần sửa đổi gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động Điều chỉnh số 1081/GPĐC-UBCK ngày 3 tháng 12 năm 2018 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có các chi nhánh như sau:

- Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 444/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08 tháng 05 năm 2017.
- Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 43/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 01 năm 2018.
- Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) - Chi nhánh Vũng Tàu theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 941/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 10 năm 2018.
- Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) - Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 1080/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 12 năm 2018.
- Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) - Chi nhánh Thăng Long theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 1081/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 12 năm 2018.
- Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) - Chi nhánh Sài Gòn theo Quyết định số 225/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 3 năm 2019.
- Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) - Chi nhánh Cần Thơ theo Quyết định số 314/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 5 năm 2019.

(b) Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019, vốn đã góp của Công ty là 4.300 tỷ VND.

(c) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

(d) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(e) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có 221 nhân viên (1/1/2019: 110 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các công cụ tài chính được phân loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ và tài sản tài chính sẵn sàng để bán được đo lường theo giá trị hợp lý. Các phương pháp được sử dụng để xác định giá trị hợp lý được mô tả trong Thuyết minh 3(d). Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với những chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày báo cáo.

(c) Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”): xem Thuyết minh 3(d);
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn: xem Thuyết minh 3(e);
- Các khoản cho vay và phải thu: xem Thuyết minh 3(f);
- Các TSTC sẵn sàng để bán: xem Thuyết minh 3(g).

Công ty phân loại tất cả các khoản nợ phải trả tài chính là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao.

Công ty chấm dứt ghi nhận một nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

(iv) Cản trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cản trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cản trừ các khoản mục với số tiền thuần được ghi nhận và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

(v) Dự phòng tài sản tài chính

Đối với các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ, lỗ do thay đổi giá trị hợp lý được xác định tại Thuyết minh 3(d) được ghi nhận khoản lỗ do suy giảm giá trị.

Đối với các khoản cho vay và phải thu, Công ty trích lập dự phòng như được trình bày tại Thuyết minh 3(f).

Đối với các TSTC sẵn sàng để bán, Công ty trích lập dự phòng như được trình bày tại Thuyết minh 3(g).

Các khoản lỗ do suy giảm tài sản tài chính, chi phí dự phòng giảm giá đầu tư và chi phí dự phòng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động.

Dự phòng giảm giá được hoàn nhập nếu giá thị trường chứng khoán tăng lên. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ nếu khoản dự phòng không được ghi nhận.

(d) Các TSTC ghi nhận theo FVTPL

Một TSTC được ghi nhận theo FVTPL nếu:

- tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

TSTC ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua tài sản tài chính (đối với chứng khoán chưa niêm yết) hoặc khớp với giá trên thị trường chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết).

Vào cuối kỳ kế toán, tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý được xác định bằng các kỹ thuật định giá trong trường hợp không có giá thị trường.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Giá thị trường được xác định như sau:

Đối với các TSTC niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày báo cáo.

Đối với các TSTC đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCOM”), giá thị trường là giá đóng cửa tại UPCOM vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày báo cáo.

Đối với các TSTC chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường phi tập trung (“thị trường OTC”), giá thị trường là giá bình quân của các giá giao dịch tại ngày gần nhất với ngày báo cáo nhưng không quá một tháng tính đến ngày báo cáo được cung cấp bởi 3 công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ VND.

(e) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo FVTPL;
- các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các TSTC sẽ không được tiếp tục phân loại là khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm tài chính hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất đã được bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các TSTC giữ đến ngày đáo hạn trước thời hạn, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- rất gần ngày đáo hạn mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của TSTC;
- được thực hiện sau khi Công ty thu được phần lớn tiền gốc của các TSTC này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- có liên quan đến một sự kiện đặc biệt nào ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.

(f) Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản cho vay và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng được xác định bằng chênh lệch giữa giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản nhận thế chấp và giá trị ghi sổ của khoản cho vay và ứng trước tương ứng.

Các khoản phải thu từ bán các TSTC và từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành như sau:

Thời gian quá hạn

Tỷ lệ trích lập dự phòng

Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(g) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là tài sản tài chính phi phái sinh được chủ đích phân loại là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- TSTC ghi nhận theo FVTPL;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và phải thu.

Vào cuối kỳ kế toán, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý, cách xác định giá trị hợp lý được trình bày tại Thuyết minh 3(d). Thay đổi về giá trị hợp lý của TSTC được ghi nhận là thu nhập toàn diện khác trong vốn chủ sở hữu. Khoản lỗ lũy kế sẽ được ghi nhận là chi phí ngay lập tức khi có bằng chứng khách quan về việc suy giảm giá trị. Khi dùng ghi nhận một TSTC sẵn sàng để bán, số dư lãi hoặc lỗ đã được phản ánh vào vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|-----------|
| ▪ phương tiện vận tải | 4 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 4 - 5 năm |

(i) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Thẻ thành viên câu lạc bộ golf

Thẻ thành viên câu lạc bộ golf được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 38 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng và bảo trì hệ thống, công cụ và dụng cụ. Chi phí sửa chữa văn phòng và bảo trì hệ thống được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm. Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Các khoản mục này được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Ngoại trừ các khoản dự phòng được trình bày tại Thuyết Minh 3(c), 3(e) và 3(f). Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận là một khoản chi phí/thu nhập ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(n) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công ty được yêu cầu trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận sau thuế sau khi cân trừ với lỗ lũy kế từ các năm trước trước khi phân phối lợi nhuận:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

(o) Doanh thu

(i) Lãi từ bán các TSTC

Lãi từ bán các TSTC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty nhận được thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm lưu ký chứng khoán (“VSD”) (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Công ty không ghi nhận cổ tức bằng cổ phiếu là một khoản thu nhập.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập tiền lãi cũng bao gồm số phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ nợ và giá trị danh nghĩa của công cụ nợ khi đáo hạn.

(iii) Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

(iv) Doanh thu tư vấn đầu tư tài chính

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(v) Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(p) Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

(s) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư được quy định trong Thông tư 334 do Bộ Tài Chính ban hành mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Thành viên của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc đã thành lập Ban Quản lý Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty. Ban Quản lý Rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Công ty được bộ phận Kiểm toán Nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.

Tài sản đảm bảo

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Công ty. Ban Giám đốc theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Công ty tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (i)	254.553.315.886	80.426.807.541
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn (i)	1.107.500.000.000	2.222.500.000.000
Các khoản cho vay – gộp (ii)	5.006.182.132.275	3.582.895.595.544
Các khoản phải thu (ii)	84.891.547.630	73.696.561.241
Phải thu các dịch vụ cung cấp (ii)	1.913.418.090	1.276.211.410
Các khoản phải thu khác (ii)	1.150.491.525	910.475.218
Tạm ứng	422.305.843	39.646.681
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.200.000	2.200.000
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn (i)	790.000.000.000	590.000.000.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	5.592.342.321	5.014.731.921
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	7.690.764.818	5.190.764.818
Tiền nộp Quỹ Bù trừ cho các hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh	10.011.373.362	10.001.412.841
	7.269.909.891.750	6.571.954.407.215

(i) *Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn*

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) *Các khoản cho vay và các khoản phải thu khác*

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện tín dụng chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Ban Giám đốc cũng yêu cầu tài sản đảm bảo dựa trên kết quả đánh giá rủi ro tín dụng của từng khách hàng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Ban Giám đốc của Công ty theo dõi giá thị trường của các tài sản đảm bảo và sẽ yêu cầu thêm tài sản đảm bảo theo thỏa thuận, và theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay và phải thu khác mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến các khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Chi tiết phân loại tín dụng của các tài sản tài chính có rủi ro tín dụng như sau:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Quá hạn và bị tổn thất	5.858.102.914	5.858.102.914
Không quá hạn và không bị tổn thất	5.088.279.486.606	3.652.920.740.499
	5.094.137.589.520	3.658.778.843.413

Các tài sản tài chính bị quá hạn và bị tổn thất không có tài sản đảm bảo.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	Từ 1 đến 2 năm VND
Vay ngắn hạn	1.962.000.000.000	1.983.961.570.697	1.983.961.570.697	-
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	767.000.000.000	828.240.000.000	828.240.000.000	-
Chi phí phải trả	41.400.659.313	41.400.659.313	41.400.659.313	-
Phải trả người bán	1.293.962.404	1.293.962.404	1.293.962.404	-
Các khoản phải trả khác	190.176.749	190.176.749	190.176.749	-
	2.771.884.798.466	2.855.086.369.163	2.855.086.369.163	-

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	Từ 1 đến 2 năm VND
Vay ngắn hạn	1.798.360.000.000	1.816.533.220.179	1.816.533.220.179	-
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	220.000.000.000	237.380.000.000	237.380.000.000	-
Chi phí phải trả	37.140.633.533	37.140.633.533	37.140.633.533	-
Các khoản phải trả khác	389.410.752	389.410.752	389.410.752	-
Trái phiếu phát hành dài hạn	50.000.000.000	57.921.643.836	3.950.000.000	53.971.643.836
	2.105.890.044.285	2.149.364.908.300	2.095.393.264.464	53.971.643.836

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng.

Công ty cho rằng rủi ro liên quan đến nghĩa vụ nợ tương đối thấp, có khả năng huy động vốn và các khoản vay với thời hạn dưới 12 tháng có thể được gia hạn với người cho vay hiện tại.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các khoản vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, tức là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”). Tuy nhiên, Công ty sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa biến động tỷ giá bao gồm hợp đồng hoán đổi lãi suất và hợp đồng kỳ hạn tiền tệ. Công ty đã cố định tỷ giá cho các khoản vay phải trả thông qua việc sử dụng các công cụ này.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2019		1/1/2019	
	USD	Tương đương VND	USD	Tương đương VND
Vay ngắn hạn	80.000.000	1.868.000.000.000	50.000.000	1.142.100.000.000

Sau đây là những tỷ giá hối đoái chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá hối đoái tại ngày	
	30/6/2019	1/1/2019
USD/VND	23.250	22.842

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	254.553.315.886	80.426.807.541
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	1.107.500.000.000	2.222.500.000.000
Các khoản cho vay – thuần	5.000.324.029.361	3.577.037.492.630
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	790.000.000.000	590.000.000.000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	7.690.764.818	5.190.764.818
Quỹ bù trừ cho các hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh	10.011.373.362	10.001.412.841
Vay ngắn hạn	(1.962.000.000.000)	(1.798.360.000.000)
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	(767.000.000.000)	(220.000.000.000)
Trái phiếu phát hành dài hạn	-	(50.000.000.000)

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(iii) Rủi ro thị trường khác

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty.

TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Ban Giám đốc quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Rủi ro về giá chứng khoán vốn đối với các khoản đầu tư niêm yết của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản đầu tư niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ước tính tốt nhất đối với ảnh hưởng đến TSTC và lợi nhuận trước thuế khi có sự thay đổi về chỉ số vốn chủ sở hữu, với tất cả các biến số khác không thay đổi như sau:

	Tại ngày 30/6/2019		Tại ngày 1/1/2019	
	Thay đổi chỉ số	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần sau thuế	Thay đổi chỉ số	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần sau thuế
	%	VND	%	VND
Chỉ số thị trường				
VN Index - Tăng	(6)	(33.320.957)	9	5.087.364.339
VN Index - Giảm	6	33.320.957	(9)	(5.087.364.339)

Rủi ro về giá chứng khoán vốn đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết của Công ty và các khoản đầu tư khác chủ yếu liên quan đến đầu tư vào chứng khoán vốn tư nhân tại Việt Nam. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ vì không có thông tin về giá thị trường và hiện tại chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hoặc Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày đo lường.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại báo cáo tình hình tài chính, như sau:

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là TSTC ghi nhận theo FVTPL:</i>				
▪ TSTC ghi nhận theo FVTPL	694.186.607	694.186.607	70.657.971.428	70.657.838.048
- Có phiếu niêm yết	694.053.227	694.053.227	70.657.838.048	70.657.704.668
- Có phiếu chưa niêm yết	133.380	133.380	133.380	133.380
	270.042.023.500	270.042.023.500	70.062.904.000	70.062.904.000
<i>Được phân loại là TSTC sẵn sàng để bán:</i>				
▪ Cổ phiếu chưa niêm yết				
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	254.559.756.386	254.559.756.386	80.432.110.541	80.432.110.541
▪ Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	1.107.500.000.000	(*)	2.222.500.000.000	(*)
▪ Các khoản cho vay – thuần	5.000.324.029.361	(*)	3.577.037.492.630	(*)
▪ Các khoản phải thu	84.516.195.430	(*)	73.696.561.241	(*)
▪ Phải thu các dịch vụ cung cấp	1.913.418.090	(*)	1.276.211.410	(*)
▪ Các khoản phải thu khác	1.150.491.525	(*)	910.475.218	(*)
▪ Tam ứng	422.305.843	(*)	39.646.681	(*)
▪ Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.200.000	(*)	2.200.000	(*)
▪ Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	790.000.000.000	(*)	590.000.000.000	(*)
▪ Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	5.592.342.321	(*)	5.014.731.921	(*)
▪ Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán và Quỹ bù trừ	17.702.138.180	(*)	15.192.177.659	(*)

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Vay ngắn hạn	1.962.000.000.000	(*)	1.798.360.000.000	(*)
▪ Trái phiếu phát hành ngắn hạn	767.000.000.000	(*)	220.000.000.000	(*)
▪ Phải trả người bán	650.085.000	(*)	1.779.180.000	(*)
▪ Chi phí phải trả	41.400.659.313	(*)	37.140.633.533	(*)
▪ Các khoản phải trả khác	190.176.749	(*)	389.410.752	(*)
▪ Trái phiếu phát hành dài hạn	-	(*)	50.000.000.000	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền mặt	6.440.500	5.303.000
Tiền gửi ngân hàng phục vụ hoạt động của Công ty	939.238.877	412.635.677
Tiền gửi ngân hàng phục vụ giao dịch chứng khoán	14.077.009	14.171.864
Các khoản tương đương tiền	253.600.000.000	80.000.000.000
	254.559.756.386	80.432.110.541

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, không có các khoản tiền và tương đương tiền nào được cầm cố cho các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (1/1/2019: 80 tỷ VND) (Thuyết minh 15).

6. Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018	
	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND
a) Công ty				
Cổ phiếu	9.031.186	323.110.440.402	10.813.581	416.444.152.663
Trái phiếu	2.180.000	227.091.330.000	30.008.000	3.148.299.262.000
b) Nhà đầu tư/khách hàng				
Cổ phiếu	1.363.648.094	33.094.701.828.060	1.631.051.038	48.116.410.846.075
Trái phiếu	5.690.000	600.057.400.000	20.004.000	2.097.720.961.000
Công cụ tài chính phái sinh	504.166	44.651.625.481.000	-	-
Chứng quyền	3.500	6.345.000	-	-
	1.381.056.946	78.896.592.824.462	1.691.876.619	53.778.875.221.738

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

7. Tài sản tài chính

(a) TSTC ghi nhận theo FVTPL

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết				
HCM	731.470.708	636.077.350	29.997	46.850
RCL	8.058.600	3.498.000	8.058.600	4.290.000
VIC	7.783.247	9.603.100	2.027.747	2.382.500
VHM	3.008.716	2.934.100	-	-
STB	2.731.247	2.531.050	2.665.097	2.593.150
VJC	2.553.265	2.816.000	1.271.699	1.200.000
ALT	1.836.500	1.779.200	1.836.500	1.600.000
BVH	1.770.285	1.777.600	3.056.239.246	3.770.218.000
DXG	1.068.204	839.250	3.642.337.985	3.451.928.200
VCB	995.012	1.128.000	7.816.682.067	7.759.212.000
HPG	862.264	916.500	3.550.928.845	3.703.415.100
VNM	395.177	738.000	7.071.524.995	12.888.480.000
GMD	58.595	52.000	4.263.430.790	3.805.400.300
PPC	36.879	57.700	2.212.752.865	2.172.036.200
ACV	-	-	1.914.220.952	2.088.000.000
MSN	-	-	1.643.785.714	1.550.000.000
POW	-	-	25.138.628.456	27.440.000.000
QNS	-	-	2.029.980.000	1.994.440.000
Khác	44.454.498	29.305.377	37.976.939	22.462.368
Cổ phiếu chưa niêm yết				
Khác	133.380	133.380	133.380	133.380
	807.216.577	694.186.607	62.394.511.874	70.657.838.048

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Chứng chỉ tiền gửi (i)	1.107.500.000.000	(*)	2.222.500.000.000	(*)
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 1 năm (ii)	590.000.000.000	(*)	590.000.000.000	(*)
Đầu tư trái phiếu doanh nghiệp giữ đến ngày đáo hạn (iii)	200.000.000.000	(*)	-	-
	1.897.500.000.000		2.812.500.000.000	

(i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, các chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 6 tháng đến 1 năm có lãi suất năm từ 8,20% đến 8,50% (1/1/2019: từ 8,20% đến 8,50%).

(ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 1 năm có lãi suất năm dao động từ 6,50% đến 7,80% (1/1/2019: từ 7,00% đến 8,80%).

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 bao gồm 877,5 tỷ VND (1/1/2019: 1.000 tỷ VND) đã được dùng để cầm cố tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 15).

(iii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, trái phiếu doanh nghiệp có lãi suất năm là 8% (1/1/2019: không có).

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B09a – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(c) Các khoản cho vay**

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay giao dịch ký quỹ (i)	4.861.841.856.195	(*)	3.420.900.249.873	(*)
Tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng (ii)	144.340.276.080	(*)	161.995.345.671	(*)
	5.006.182.132.275		3.582.895.595.544	

- (i) Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ được cấp cho khách hàng để thực hiện các giao dịch ký quỹ chứng khoán. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc là 90 ngày và hưởng lãi suất ngày từ 0,028% đến 0,039% (1/1/2019: từ 0,028% đến 0,039%). Tỷ lệ ký quỹ ban đầu và tỷ lệ ký quỹ duy trì lần lượt là 50% và 40%.
- (ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, các khoản tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng được hưởng lãi suất ngày từ 0,033% (1/1/2019: 0,033%) và có thời hạn gốc từ 1 ngày đến 2 ngày.

(d) TSTC sẵn sàng để bán

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam (i)	10.516.976.315	15.827.323.500	10.516.976.315	15.848.204.000
Công ty Cổ phần Tôn Đông Á (ii)	54.214.700.000	54.214.700.000	54.214.700.000	54.214.700.000
Quỹ đầu tư cổ phiếu tăng trưởng Mirae Asset Việt Nam (iii)	200.000.000.000	200.000.000.000	-	-
	264.731.676.315	270.042.023.500	64.731.676.315	70.062.904.000

- (i) Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam ("SMV") là một công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép Kinh doanh số 2300323118 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 19 tháng 2 năm 2008. Các hoạt động chính của công ty này bao gồm sản xuất và kinh doanh thiết bị điện. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty sở hữu 2,87% vốn chủ sở hữu của SMV (1/1/2019: 2,87%).

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

- (ii) Công ty Cổ phần Tôn Đông Á Việt Nam ("TDA") là một công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép Kinh doanh số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 2 tháng 2 năm 2009. Các hoạt động chính của công ty này bao gồm sản xuất thép cán nguội, tôn kẽm, tôn lạnh, tôn màu phục vụ cho ngành xây dựng công nghiệp và dân dụng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty sở hữu 1,80% vốn chủ sở hữu của TDA (1/1/2019: 1,80%).
- (iii) Quỹ đầu tư cổ phiếu tăng trưởng Mirae Asset Việt Nam ("MAGEF") là một quỹ mở được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 39/GCN-UBCK ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Quỹ này được quản lý bởi Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam), một bên liên quan của Công ty. Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tăng trưởng giá trị tài sản ròng dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập của các khoản đầu tư. Quỹ mới chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng lần đầu vào ngày 21 tháng 5 năm 2019. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty sở hữu 44% số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành của Quỹ này (1/1/2019: không có).

(e) Đầu tư dài hạn khác

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH Mirae Asset Realty Việt Nam (i)	572.618.000	(*)	572.618.000	(*)

- (i) Công ty TNHH Mirae Asset Realty Việt Nam ("Mirae Asset Realty"), một bên liên quan, là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000515 ngày 22 tháng 4 năm 2010 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Các hoạt động chính của Mirae Asset Realty là cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản. Đầu tư của Công ty chiếm 14,99% tổng vốn điều lệ của Mirae Asset Realty.

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có thông tin về giá thị trường và hiện tại không có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hoặc Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

8. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Đây là khoản dự phòng cho vay giao dịch ký quỹ đã bị quá hạn từ năm 2015 và 2016. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty đã trích lập dự phòng 100% cho các khoản cho vay này và không có biến động trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018.

9. Các khoản phải thu

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dự thu	84.516.195.430	70.599.589.241
Phải thu từ cổ tức	375.352.200	-
Phải thu từ bán tài sản tài chính	-	3.096.972.000
	<hr/>	<hr/>
	84.891.547.630	73.696.561.241

10. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Học phí cho con của nhân viên người nước ngoài	88.077.499	237.727.272
Chi phí trả trước cho thuê hoạt động	266.940.806	242.673.460
Chi phí bảo lãnh cho các khoản đi vay	14.004.291.644	3.812.041.712
Các khoản trả trước ngắn hạn khác	1.823.139.831	1.565.791.566
	<hr/>	<hr/>
	16.182.449.780	5.858.234.010

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Sửa chữa văn phòng và bảo trì hệ thống	11.133.952.791	9.930.423.040
Phí thành viên câu lạc bộ golf	909.624.073	925.217.593
Thiết bị văn phòng	6.826.914.208	5.162.831.760
Phí tư vấn	15.493.504	-
	<hr/>	<hr/>
	18.885.984.576	16.018.472.393

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Biến động của chi phí trả trước dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	16.018.472.393	11.032.061.370
Tăng trong kỳ	7.606.212.125	953.834.000
Phân bổ trong kỳ	(4.738.699.942)	(1.644.606.355)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	18.885.984.576	10.341.289.015

11. Tài sản cố định hữu hình

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	2.193.700.000	17.217.216.997	19.410.916.997
Tăng trong kỳ	-	414.842.670	414.842.670
Thanh lý	(894.800.000)	-	(894.800.000)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	1.298.900.000	17.632.059.667	18.930.959.667
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1.111.283.338	10.342.975.946	11.454.259.284
Khấu hao trong kỳ	129.889.998	964.818.698	1.094.708.696
Thanh lý	(894.800.000)	-	(894.800.000)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	346.373.336	11.307.794.644	11.654.167.980
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	1.082.416.662	6.874.241.051	7.956.657.713
Số dư cuối kỳ	952.526.664	6.324.265.023	7.276.791.687

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B09a – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	894.800.000	14.580.889.597	15.475.689.597
Tăng trong kỳ	1.298.900.000	554.980.000	1.853.880.000
Số dư cuối kỳ	2.193.700.000	15.135.869.597	17.329.569.597
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	894.800.000	8.621.278.392	9.516.078.392
Khấu hao trong kỳ	86.593.332	817.434.641	904.027.973
Số dư cuối kỳ	981.393.332	9.438.713.033	10.420.106.365
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	-	5.959.611.205	5.959.611.205
Số dư cuối kỳ	1.212.306.668	5.697.156.564	6.909.463.232

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá là 8.472.728.354 VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (1/1/2019: 8.647.350.478 VND).

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B09a – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định vô hình**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	Phần mềm máy vi tính VND	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	9.296.422.561	9.296.422.561
Tăng trong kỳ	300.000.000	-
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	4.790.100.000	-
Số dư cuối kỳ	14.386.522.561	9.296.422.561
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	8.345.636.858	8.032.229.210
Khấu hao trong kỳ	648.213.839	156.703.824
Số dư cuối kỳ	8.993.850.697	8.188.933.034
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	950.785.703	1.264.193.351
Số dư cuối kỳ	5.392.671.864	1.107.489.527

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá là 7.729.384.240 VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (1/1/2019: 7.729.384.240 VND).

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Phần mềm máy vi tính	-	4.790.100.000
Biến động xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ như sau:		
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Số dư đầu kỳ	4.790.100.000	-
Tăng trong kỳ	-	4.790.100.000
Chuyển sang tài sản cố định	(4.790.100.000)	-
Số dư cuối kỳ	-	4.790.100.000

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B09a – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***14. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ cho các hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh****(a) Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán**

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	5.190.764.818	2.840.306.590
Tiền nộp thêm trong kỳ	2.244.400.607	2.187.964.962
Tiền lãi thu được trong kỳ	255.599.393	162.493.266
Số dư cuối kỳ	7.690.764.818	5.190.764.818

(b) Quỹ bù trừ cho các hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về quy chế quản lý, sử dụng quỹ bù trừ cho các hoạt động chứng khoán phái sinh, Công ty có trách nhiệm đóng góp vào Quỹ bù trừ bằng tiền hoặc chứng khoán. Tỷ lệ đóng góp bằng tiền tối thiểu là 80% trên tổng giá trị tài sản đóng góp Quỹ bù trừ. Mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10 tỷ đồng đối với thành viên bù trừ trực tiếp, 15 tỷ đồng đối với thành viên bù trừ chung.

Biến động tiền nộp Quỹ bù trừ trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	10.001.412.841	-
Tiền lãi thu được trong kỳ	9.960.521	-
Số dư cuối kỳ	10.011.373.362	-

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

15. Vay ngắn hạn

Số dư tại ngày 1/1/2019 VND	Số vay trong kỳ VND	(Số trả trong kỳ) VND	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VND	Số dư tại ngày 30/6/2019 VND																																												
1.798.360.000.000	8.265.802.005.000	(8.102.529.605.000)	367.600.000	1.962.000.000.000																																												
Vay ngắn hạn																																																
<p>Các điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn chưa thanh toán như sau:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th>Tiền tệ</th> <th>30/6/2019 VND</th> <th>1/1/2019 VND</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Ngân hàng Korea Development Bank – Chi nhánh Singapore (*)</td> <td>USD</td> <td>1.634.800.000.000</td> <td>1.142.100.000.000</td> </tr> <tr> <td>Ngân hàng Woori Bank – Chi nhánh Singapore (*)</td> <td>USD</td> <td>233.200.000.000</td> <td>-</td> </tr> <tr> <td>Ngân hàng Woori Bank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (*)</td> <td>VND</td> <td>67.000.000.000</td> <td>227.000.000.000</td> </tr> <tr> <td>Ngân hàng KEB Hana – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (*)</td> <td>VND</td> <td>27.000.000.000</td> <td>77.000.000.000</td> </tr> <tr> <td>Ngân hàng Shinhan Bank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (*)</td> <td>VND</td> <td>-</td> <td>45.700.000.000</td> </tr> <tr> <td>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*)</td> <td>VND</td> <td>-</td> <td>110.000.000.000</td> </tr> <tr> <td>Ngân hàng Vietinbank Việt Nam (*)</td> <td>VND</td> <td>-</td> <td>41.800.000.000</td> </tr> <tr> <td>Ngân hàng Indovina Việt Nam (*)</td> <td>VND</td> <td>-</td> <td>77.760.000.000</td> </tr> <tr> <td>Ngân hàng Techcombank Việt Nam (*)</td> <td>VND</td> <td>-</td> <td>77.000.000.000</td> </tr> <tr> <td></td> <td></td> <td>1.962.000.000.000</td> <td>1.798.360.000.000</td> </tr> </tbody> </table>						Tiền tệ	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND	Ngân hàng Korea Development Bank – Chi nhánh Singapore (*)	USD	1.634.800.000.000	1.142.100.000.000	Ngân hàng Woori Bank – Chi nhánh Singapore (*)	USD	233.200.000.000	-	Ngân hàng Woori Bank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (*)	VND	67.000.000.000	227.000.000.000	Ngân hàng KEB Hana – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (*)	VND	27.000.000.000	77.000.000.000	Ngân hàng Shinhan Bank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (*)	VND	-	45.700.000.000	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*)	VND	-	110.000.000.000	Ngân hàng Vietinbank Việt Nam (*)	VND	-	41.800.000.000	Ngân hàng Indovina Việt Nam (*)	VND	-	77.760.000.000	Ngân hàng Techcombank Việt Nam (*)	VND	-	77.000.000.000			1.962.000.000.000	1.798.360.000.000
	Tiền tệ	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND																																													
Ngân hàng Korea Development Bank – Chi nhánh Singapore (*)	USD	1.634.800.000.000	1.142.100.000.000																																													
Ngân hàng Woori Bank – Chi nhánh Singapore (*)	USD	233.200.000.000	-																																													
Ngân hàng Woori Bank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (*)	VND	67.000.000.000	227.000.000.000																																													
Ngân hàng KEB Hana – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (*)	VND	27.000.000.000	77.000.000.000																																													
Ngân hàng Shinhan Bank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (*)	VND	-	45.700.000.000																																													
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*)	VND	-	110.000.000.000																																													
Ngân hàng Vietinbank Việt Nam (*)	VND	-	41.800.000.000																																													
Ngân hàng Indovina Việt Nam (*)	VND	-	77.760.000.000																																													
Ngân hàng Techcombank Việt Nam (*)	VND	-	77.000.000.000																																													
		1.962.000.000.000	1.798.360.000.000																																													

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, các khoản vay có lãi suất năm giao động từ 2,14% đến 5,9% (1/1/2019: từ 2,14% đến 4,9%). Các khoản vay này được bảo lãnh bởi công ty mẹ là Mirae Asset Securities (HK) Limited và một công ty liên quan là Công ty Mirae Asset Securities (UK) Limited và được đảm bảo bởi tiền gửi tại chính các ngân hàng cho vay với giá trị ghi sổ là 877,5 tỷ VND (1/1/2019: 1.080 tỷ VND) (Thuyết minh 5 và Thuyết minh 7(b)).

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

16. Trái phiếu phát hành ngắn hạn và dài hạn

	Số dư tại ngày 1/1/2019 VND	Phát sinh trong kỳ VND	Số trả trong kỳ VND	Số dư tại ngày 30/6/2019 VND
Trái phiếu phát hành ngắn hạn (i)	220.000.000.000	647.000.000.000	(100.000.000.000)	767.000.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn (ii)	50.000.000.000	-	(50.000.000.000)	-
	270.000.000.000	647.000.000.000	(150.000.000.000)	767.000.000.000

(i) Theo Phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ ngày 11 tháng 4 năm 2018 và ngày 9 tháng 7 năm 2018, Công ty đã phát hành 220 tỷ VND trái phiếu doanh nghiệp, mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu không niêm yết, lãi suất 7,90%/năm không có tài sản đảm bảo với kỳ hạn một năm, thanh toán gốc và lãi một lần khi đáo hạn.

Theo Phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ ngày 14 tháng 2 năm 2019 và ngày 25 tháng 4 năm 2019, Công ty đã phát hành 647 tỷ VND trái phiếu doanh nghiệp, mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu không niêm yết, lãi suất 8,00%/năm không có tài sản đảm bảo với kỳ hạn một năm, thanh toán gốc và lãi một lần khi đáo hạn.

(ii) Theo Phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ ngày 11 tháng 4 năm 2018, Công ty đã phát hành 100 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp, mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu không niêm yết, lãi suất 7,90%/năm không có tài sản đảm bảo với kỳ hạn hai năm, thanh toán gốc và lãi một lần khi đáo hạn hoặc theo yêu cầu của trái chủ.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

17. Thuế và các khoản phải trả cho và phải thu khác từ Nhà nước

(a) Các khoản phải trả Nhà nước

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

	1/1/2019 VND	Phát sinh VND	(Đã trả) VND	30/6/2019 VND
Các loại thuế				
Thuế giá trị gia tăng	-	281.380.454	(275.107.727)	6.272.727
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.512.930.422	40.738.137.851	(39.220.929.791)	21.030.138.482
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	612.371.293	6.219.407.809	(6.283.545.031)	548.234.071
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	1.570.315.414	9.935.041.195	(8.654.138.149)	2.851.218.460
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư giao dịch chứng khoán phái sinh	5.894.931	2.902.356.061	(2.259.292.480)	648.958.512
Thuế nhà thầu	670.664.340	6.517.073.525	(5.406.613.368)	1.781.124.497
Các loại phí và lệ phí khác	228.820.230	1.428.816.496	(1.416.437.074)	241.199.652
	22.600.996.630	68.022.213.391	(63.516.063.620)	27.107.146.401

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

	1/1/2018 VND	Phát sinh VND	(Đã trả) VND	30/6/2018 VND
Các loại thuế				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.409.637.593	17.313.693.945	(21.306.328.927)	3.417.002.611
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	376.421.054	4.834.368.853	(4.682.530.358)	528.259.549
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	1.367.762.843	17.266.642.224	(14.533.130.879)	4.101.274.188
Thuế nhà thầu	274.621.584	6.728.962.255	(5.737.403.866)	1.266.179.973
Các loại phí và lệ phí khác	169.677.290	1.453.795.724	(1.413.934.998)	209.538.016
	9.598.120.364	47.597.463.001	(47.673.329.028)	9.522.254.337

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

17. Thuế và các khoản phải trả cho và phải thu khác từ Nhà nước (tiếp theo)

(b) Các khoản phải thu khác từ Nhà nước

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019	1/1/2019 VND	Phát sinh VND	Ghi nhận vào chi phí VND	30/6/2019 VND
Các khoản phải thu khác từ Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	1.736.615.436	(1.736.615.436)	-
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	1/1/2018 VND	Phát sinh VND	Ghi nhận vào chi phí VND	30/6/2018 VND
Các khoản phải thu khác từ Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	30.766.723	1.194.306.788	(1.199.376.157)	25.697.354

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí phải trả

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Chi phí lương tháng 13 và thưởng	5.124.289.213	13.500.000.000
Chi phí môi giới chứng khoán	3.934.400.514	2.170.283.993
Chi phí giao dịch chứng khoán	2.243.826.318	1.420.497.113
Chi phí tư vấn	288.000.000	581.745.201
Chi phí lãi	28.865.347.434	17.851.359.359
Các chi phí khác	944.795.834	1.616.747.867
	41.400.659.313	37.140.633.533

19. Thuế thu nhập hoãn lại thuần

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Chênh lệch giảm do dự phòng và đánh giá lại TSTC ghi nhận theo FVTPL và đầu tư sẵn sàng để bán	1.205.477.925	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Chênh lệch tăng do đánh giá lại TSTC ghi nhận theo FVTPL và đầu tư sẵn sàng để bán	-	(11.275.319.320)
Tài sản/(nợ) thuế thu nhập hoãn lại thuần	1.205.477.925	(11.275.319.320)

20. Vốn góp

Vốn pháp định được duyệt và đã góp của Công ty là:

	Tại ngày 30/6/2019 và ngày 1/1/2019	
	VND	%
Mirae Asset Securities (HK) Limited	4.300.000.000.000	100%

Công ty mẹ, Mirae Asset Securities (HK) Limited, và công ty mẹ cấp cao nhất, Mirae Asset Capital Company Limited, được thành lập lần lượt tại Hồng Kông và Hàn Quốc.

Vốn điều lệ của Công ty đã được góp đủ bởi Mirae Asset Securities (HK) Limited.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

21. Doanh thu hoạt động kinh doanh

(a) Lãi/(lỗ) từ việc bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL và AFS

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019	Số lượng	Giá bán trung bình VND	Tiền thu được VND	Tổng giá vốn VND	Lãi từ bán chứng khoán VND	Lỗ từ bán chứng khoán VND
Các TSTC ghi nhận theo FVTPL	694.116.800	199	138.081.640.829	128.819.403.999	16.325.927.760	(6.109.007.740)
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>						
VNM	107.420	132.026	14.182.214.000	7.073.705.438	7.108.508.562	-
VCB	200.030	61.637	12.329.342.000	10.924.873.835	1.404.468.165	-
SAB	23.500	273.478	6.426.733.000	5.498.872.000	927.861.000	-
PLX	105.000	66.343	6.966.000.000	6.022.698.000	943.302.000	-
VRE	447.210	34.445	15.403.981.920	14.737.890.604	791.726.404	(125.635.088)
BVH	113.580	80.004	9.086.909.760	9.139.496.961	-	(52.587.201)
POW	1.715.000	16.202	27.786.310.000	25.138.628.456	2.647.681.544	-
DXG	252.360	18.518	4.673.190.000	6.173.305.011	-	(1.500.115.011)
VJC	40.000	111.319	4.452.758.000	4.882.012.995	-	(429.254.995)
HPG	304.650	28.217	8.596.386.000	9.016.045.671	55.102.274	(474.761.945)
SBT	350.000	16.982	5.943.846.000	6.551.095.607	-	(607.249.607)
Khác	690.458.050	32	22.233.970.149	23.660.779.421	2.447.277.811	(2.919.403.893)
Trái phiếu niêm yết	1.090.000	104.500	113.904.530.000	113.186.800.000	717.730.000	-

695.206.800 362 251.986.170.829 242.006.203.999 17.043.657.760 (6.109.007.740)

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(a) Lãi/(lỗ) từ việc bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL và AFS (tiếp theo)

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018	Số lượng	Giá bán trung bình VND	Tiền thu được VND	Tổng giá vốn VND	Lãi từ bán chứng khoán VND	Lỗ từ bán chứng khoán VND
Các TSTC ghi nhận theo FVTPL	8.614.506	701.249	306.242.363.352	255.680.972.040	56.302.933.562	(5.741.542.250)
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>						
VNM	69.630	189.172	13.172.031.000	5.501.255.520	7.670.775.480	-
GAS	98.820	129.190	12.766.533.000	6.690.014.048	6.076.518.952	-
VCB	228.950	66.696	15.270.019.000	9.535.237.894	5.734.781.106	-
BSR	677.700	28.892	19.580.170.000	14.909.400.000	5.070.020.000	(399.250.000)
STB	1.940.790	14.679	28.489.330.500	23.831.866.923	4.837.147.385	(179.683.807)
CTG	261.800	34.950	9.149.910.000	6.091.865.394	3.058.044.606	-
BVH	102.280	89.783	9.182.977.000	6.151.753.256	3.031.223.744	-
PVT	569.741	20.059	11.428.332.950	8.542.236.143	2.886.096.807	-
MSN	84.800	88.594	7.512.780.000	5.163.812.320	2.348.967.680	-
Khác	4.579.995	39.234	179.690.279.902	169.263.530.542	15.589.357.802	(5.162.608.443)
Trái phiếu niêm yết	15.004.000	105.013	1.575.619.302.000	1.572.627.061.000	2.992.241.000	-
	23.618.506	806.262	1.881.861.665.352	1.828.308.033.040	59.295.174.562	(5.741.542.250)

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các TSTC

	Giá gốc tại ngày 30/6/2019 VND	Giá trị hợp lý/ giá thị trường tại ngày 30/6/2019 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 30/6/2019 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 1/1/2019 VND	Chênh lệch lãi/(lỗ) đánh giá lại trong kỳ VND
TSTC ghi nhận theo FVTPL	807.216.577	694.186.607	(113.029.970)	8.263.326.174	(8.376.356.144)
Cổ phiếu niêm yết	807.216.577	694.186.607	(113.029.970)	8.263.326.174	(8.376.356.144)
<i>Bao gồm:</i>					
- Lãi từ đánh giá lại					880.045.729
- Lỗ từ đánh giá lại					(9.256.401.873)
Đầu tư sẵn sàng để bán	264.731.676.315	270.042.023.500	5.310.347.186	5.331.227.685	(20.880.499)
TSTC ghi nhận theo FVTPL	113.645.948.148	118.629.080.174	4.983.132.026	51.464.563.687	(46.481.431.661)
Cổ phiếu niêm yết	113.645.948.148	118.629.080.174	4.983.132.026	51.464.563.687	(46.481.431.661)
<i>Bao gồm:</i>					
- Lãi từ đánh giá lại					1.519.912.814
- Lỗ từ đánh giá lại					(48.001.344.475)

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(c) Cổ tức, thu nhập lãi từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL, AFS, giữ đến ngày đáo hạn, các khoản vay và phải thu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Từ TSTC giữ đến ngày đáo hạn	92.467.303.984	44.402.521.511
▪ Thu nhập từ tiền gửi có kỳ hạn	92.467.303.984	44.402.521.511
Từ các khoản vay và phải thu	222.647.975.295	83.562.768.502
▪ Thu nhập từ hoạt động ký quỹ	215.249.729.060	75.258.217.696
▪ Thu nhập từ dịch vụ tạm ứng	7.398.246.235	8.304.550.806
Từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	1.725.591.450	353.352.880
▪ Cổ tức	1.725.591.450	353.352.880
	316.840.870.729	128.318.642.893

(d) Doanh thu không phải là thu nhập từ các TSTC

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Doanh thu từ môi giới chứng khoán	54.337.768.844	79.965.370.940
Doanh thu từ tư vấn tài chính	3.074.363.974	232.675.259
Doanh thu từ lưu ký chứng khoán	2.057.886.718	1.011.959.450
Doanh thu từ các hoạt động khác	764.891.242	876.238.558
	60.234.910.778	82.086.244.207

22. Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu và chi phí đi vay

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Chi phí lãi vay	73.015.458.505	22.254.778.418

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

23. Chi phí môi giới chứng khoán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí lương	25.369.167.534	16.514.211.705
Chi phí hoa hồng	16.275.023.151	23.169.512.102
Chi phí môi giới	10.015.242.095	14.885.418.555
Chi phí thuê	7.330.858.783	3.255.573.822
Chi phí sửa chữa văn phòng	2.813.488.292	457.456.829
Máy tính và các chi phí liên quan	1.836.865.726	1.568.028.073
Chi cho các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	1.691.863.414	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.359.215.185	729.875.253
Khấu hao tài sản cố định	1.286.772.619	689.710.366
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	1.222.783.386	607.606.433
Chi phí giao tế	752.696.256	411.931.755
Chi phí công tác	247.733.899	130.579.432
Chi phí khác	3.916.279.508	1.389.722.216
	<hr/>	<hr/>
	74.117.989.848	63.809.626.541
	<hr/>	<hr/>

24. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.298.903.186	2.230.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.461.096.814	-
	<hr/>	<hr/>
	2.760.000.000	2.230.000.000
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

25. Chi phí quản lý

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí lương	10.399.092.447	6.737.018.723
Chi phí dịch vụ chuyên môn	3.011.128.235	1.915.950.910
Chi phí thuê	2.553.043.215	1.847.318.184
Chi phí dịch vụ mua ngoài	563.218.370	490.135.526
Chi phí vận chuyển	299.270.381	281.529.767
Thuế, phí và lệ phí	295.332.050	574.003.001
Khấu hao tài sản cố định	456.149.916	371.021.431
Chi phí giải trí	661.279.058	609.528.858
Chi phí công tác	321.233.174	218.992.091
Máy tính và các chi phí liên quan	89.178.197	134.276.258
Chi phí văn phòng phẩm	141.573.215	37.073.207
Chi phí khác	1.396.363.140	1.071.969.380
	<hr/>	<hr/>
	20.186.861.398	14.288.817.336
	<hr/>	<hr/>

26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ này	40.738.137.851	17.313.693.945
Lợi ích thuế hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(12.480.797.245)	-
	<hr/>	<hr/>
Thuế thu nhập	28.257.340.606	17.313.693.945
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	209.387.634.674	114.084.798.528
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	41.877.526.935	22.816.959.706
Thu nhập không bị tính thuế	(345.118.290)	(70.670.576)
Thay đổi trong chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	(13.275.068.039)	(5.432.595.185)
	<u>28.257.340.606</u>	<u>17.313.693.945</u>

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư được trình bày trong các thuyết minh khác, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Công ty mẹ		
Mirae Asset Securities (HK) Limited		
Trả tiền vay	-	113.900.000.000
Trả chi phí bảo lãnh cho các khoản đi vay	11.685.000.012	4.564.500.093
Các bên liên quan khác		
Mirae Asset Daewoo Co., Ltd. (trước đây gọi là Mirae Asset Securities Co., Ltd)		
Doanh thu từ môi giới chứng khoán	3.558.402.057	11.024.426.951
Mirae Asset Securities (UK) Limited		
Trả chi phí bảo lãnh cho các khoản đi vay	16.333.999.965	6.867.000.053
Mirae Asset Global Investment Company		
Doanh thu từ môi giới chứng khoán	1.866.869.025	2.722.249.971
Công ty TNHH Mirae Asset Realty		
Chi trả hộ	-	360.655.779
Công ty Tài chính Mirae Asset (Việt Nam)		
Mua chứng chỉ tiền gửi	220.000.000.000	100.000.000.000
Lãi từ chứng chỉ tiền gửi	12.800.821.918	-
Quỹ đầu tư cổ phiếu tăng trưởng Mirae Asset Việt Nam		
Mua chứng chỉ tiền gửi	200.000.000.000	-
Mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	200.000.000.000	-
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt		
Thu nhập	2.264.797.094	4.542.685.315

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

28. Các cam kết

Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trong vòng một năm	22.852.729.884	16.519.840.936
Từ hai đến năm năm	23.069.358.400	28.278.764.800
	<hr/>	<hr/>
	45.922.088.284	44.798.605.736

29. Yếu tố thời vụ hay chu kỳ

Hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ và chu kỳ, ngoại trừ khoản mục sau:

Các quỹ dự trữ bắt buộc

Công ty phải trích lập các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính hàng năm. Do đó, Công ty không trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc này cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

30. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc so với báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ trước.

31. Các thay đổi trong cơ cấu Công ty

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 so với báo cáo tài chính năm gần nhất.

Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

32. Các khoản mục bất thường

Không có khoản mục bất thường trọng yếu nào phát sinh trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 ngoại trừ yếu tố thời vụ hoặc chu kỳ được trình bày ở Thuyết minh 29.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019

Người lập:


Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán trưởng

Người soát xét:


Bà Trần Thị Thanh Thủy
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:


Ông Lee Dong Won
Giám đốc khối Công nghệ thông tin



Số/No.: 5M/2019/CV-MASHCM
V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế
Ref: Explanation on the difference of PAT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

TPHCM, ngày 14 tháng 08 năm 2019
HCMC, 14 Aug 2019

Kính gửi/To:

- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước- SSC
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội – HNX
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.Hồ Chí Minh-HOSE
- Ủy Ban Giám Sát Tài Chính Quốc Gia-NFSC

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 11, Thông tư 155/2015/TT-BTC (“TT155”) ngày 06/10/2015 hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“**Công ty**”) xin giải trình như sau:

According to Clause 4 Article 11 of Circular 155/2015/TT-BTC (“Circular 155”) dated 06 October 2015 on providing guidelines for information disclosure on securities market, Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company (“**Company**”) hereby explains as follows:

Công ty xin giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của của kỳ báo cáo 6 tháng đầu năm 2019 đã được kiểm toán so với cùng kỳ năm 2018 như sau:

The Company provide explanation for the difference of profit after corporate income tax as mentioned in audited financial statement for the year end of 30 Jun 2019 compared with in the same period of the last year as below:

Chỉ tiêu/ Description	30.06.2019	30.06.2018	Chênh lệch/Difference
Doanh thu hoạt động/ Revenue	394.999.484.996	271.219.974.476	
Chi phí hoạt động/ Operating expenses	164.179.629.780	141.140.018.046	
Chi phí quản lý khác/General and Administration expenses	21.432.220.542	15.995.157.902	
Lợi nhuận trước thuế/Profit before tax	209.387.634.674	114.084.798.528	
Thuế TNDN / Income Tax	28.257.340.606	17.313.693.945	
Lợi nhuận sau thuế Profit after tax	181.130.294.068	96.771.104.583	87%

Nguyên nhân chủ yếu là do:
The main reasons is due to:



- Việc mở rộng kinh doanh tăng thị phần môi giới, tăng dự nợ từ các khoản cho vay dẫn đến doanh thu tăng so với cùng kỳ năm ngoái;

For the development of our bussiness, revenue from securities services increase and other services increase significantly;

- Doanh thu từ bán và ghi nhận lãi từ việc đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL tăng đáng kể;
Revenue from sale of FVTPL and gain from revaluation of FVTPL increase significant;

- Các chỉ tiêu khác không thay đổi đáng kể
Other items remain unchanged.

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam) xin báo cáo để Quý cơ quan được biết.

Mirae Asset Securities (Vietnam) Limited Liability Company informs for your information.

Trân trọng,
Yours faithfully,

**Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Chứng Khoán
Mirae Asset (Việt Nam)**



Lee Dong Won
Giám đốc IT / IT Director

